

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu: Theo quyết định phê duyệt thiết kế kèm theo.
2. Thời hạn hoàn thành: Năm 2025-2026.

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện: 120 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng công trình

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật:

a. Hạng mục đường giao thông:

- Nền đường: Đắp đất cấp 3, đầm chặt $K \geq 0,95$; Taluy nền đào 1/1, nền đắp 1/1,5
- Mặt đường: Độ dốc ngang 2%. Kết cấu như sau:

+ Mặt đường bằng BTXM M250 dày 22cm

+ Lốp bạt nilon.

+ Lốp móng CPĐD $D_{max} = 37,5$ dày 15cm

- Lê đường: Gia cố lê đường với kết cấu giống kết cấu mặt đường tuyến

- Hệ thống thoát nước ngang: Nối 01 cống tròn đường kính 0,3m qua mương thủy lợi tại Km0+13,90 (Tuyến 1) để đảm bảo tưới, tiêu trong sản xuất nông nghiệp. Cấu tạo: Ống cống được thiết kế bằng BTCT lắp ghép M200, đá 1x2. Tường đầu, móng cống bằng bê tông M150, đá 2x4 đổ tại chỗ, trên lớp đệm sỏi sạn dày 10cm.

- Hệ thống thoát nước dọc: Xây dựng rãnh thoát nước dạng chữ nhật $B=0,4$ đổ tại chỗ, móng và thân rãnh bằng BTCT M200 dày 15cm; đệm móng sỏi sạn dày 10cm; trung bình 10m bố trí khe rộng 01cm bằng giấy dầu tấm nhựa đường; Xà mũ rãnh bằng BTCT M200 kích thước (15x15)cm; Tấm đan rãnh bằng BTCT M250 kích thước (100x75x12)cm, phần kê trên xà mũ dày 10cm; Hai đầu tấm đan bố trí khe thu nước kích thước (1,5x30)cm, trung bình 5m bố trí 01 tấm đan có lỗ vào vị trí giữa 2 nhà dân để tăng khả năng thu nước mặt đường.

- Gia cố mái taluy: dài 395,79m (Khu 1: 54,12m; Khu 2: 341,67m), bằng kết cấu tấm lát bê tông.

Cấu tạo: Tấm lát dạng lắp ghép, kích thước tấm (50x50x6)cm bằng BTCT M200; Giăng dọc trên, dưới và giăng mái bằng BTCT M200; Chân khay bằng bê tông xi măng M150.

- Tường chắn: dài 52m, Kết cấu BTXM M150, chiều cao tường từ 0,6-1,0m, ống nhựa thoát nước bố trí khoảng cách @2m.

- Hoàn trả mương thủy lợi: Xây dựng hoàn trả mương BTCT đầy đan, khẩu độ $B=0,8$ m. Cấu tạo:

Mương dạng chữ nhật $B=0,8$ m đổ tại chỗ, móng và thân bằng BTCT M200 dày 15cm; đệm móng dăm sạn dày 10cm; trung bình 10m bố trí khe rộng 01cm bằng giấy dầu tấm nhựa đường; Xà mũ mương bằng BTCT M200 kích thước (15x15)cm; Tấm đan bằng BTCT M250 kích thước (100x110x14)cm.

- Nút giao thông: Thiết kế nút giao đồng mức; bán kính vuốt nối $R \geq 8-10$ m, kết cấu mặt đường vuốt nối giống kết cấu mặt đường tuyến chính.

- An toàn giao thông: theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ (QCVN 41: 2024/BGTVT).

+ Vạch sơn kẻ đường, gờ giảm tốc: bằng sơn dẻo nhiệt phản quang DPI (30% hạt phản quang) theo tiêu chuẩn sơn tín hiệu giao thông TCVN 8786:2018.

+ Biển báo: Trụ đỡ biển báo bằng ống thép tráng kẽm Vinapipe (hoặc tương đương) đường kính ngoài $\varnothing 80$ mm, dày 2,5mm, đỉnh ống được bịt kín chống nước; Sơn cột 3 lớp gồm 1 lớp sơn lót tạo dính loại CXL-WP và 2 lớp sơn phủ màu đỏ và trắng xen kẽ bằng sơn Epoxy S.EP-P1; Đế cột bằng bê tông đổ tại chỗ M150, đá 2x4; Biển báo cố định trên tuyến bằng hợp kim nhôm dày 2mm, mặt trước dán màng phản quang loại 3M, mặt sau sơn 2 lớp màu xám.

+ Cọc tiêu: bằng BTCT M200 kích thước (12x12x110)cm, thân cọc sơn trắng, 10cm trên cùng đầu cọc sơn đỏ. Cọc tiêu được bố trí các đoạn cong bán kính nhỏ và các vị trí nền đường đắp cao.

b. Hạng mục san nền, phân lô:

- Phạm vi san nền, cắm mốc phân lô: 4.930,68 m².

- Kết cấu nền: đắp đất cấp III, đầm chặt $K \geq 85$.

- Cắm mốc khu phân lô, số lượng: 73 mốc.

c. Hạng mục cấp điện và điện chiếu sáng:

c.1. Cấp điện:

* Trạm biến áp:

- Máy biến áp 3 pha 22kV - 0,4kV - 100KVA: 01 máy.

- Tủ điện 3 pha 100kVA trọn bộ: 01 tủ.

- Tiếp địa trạm biến áp: 01 hệ thống. Sử dụng hệ thống tiếp địa kiểu khoan giếng, gồm 18 ống thép fi 42 dày 2.5mm, dây tiếp địa fi 12, toàn bộ hệ thống tiếp địa được mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ theo quy định hiện hành.

- Phụ kiện: Sử dụng các loại phụ kiện phù hợp (gồm: Kẹp răng, cáp đồng, dây nối, đầu cốt, bulong, đai thép, ống gân xoắn, ống thép, nắp chụp, ...) để lắp đặt hoàn thiện trạm biến áp mới.

* Đường dây trung thế

- Dây dẫn: Sử dụng cáp nhôm bọc lõi thép PVC/XLPE 12.7/24kV AC 95/16 mm².

- Cột BTLT dự ứng lực PC.I-14-190-8.5, PC.I-14-190-11, PC.I-16-190-13 - Móng cột BTLT MG-3, MGD-3, MGD-4

- Tiếp địa trạm biến áp: 01 hệ thống. Sử dụng hệ thống tiếp địa kiểu khoan giếng LG-6; LG-8, gồm ống thép fi 42 dày 2.5mm, dây tiếp địa fi 12, toàn bộ hệ thống tiếp địa được mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ theo quy định hiện hành.

- Xà, giá đỡ: Sử dụng thép hình, mạ kẽm nhúng nóng với chiều dày lớp mạ $\geq 80\mu\text{m}$.

- Vật tư phụ kiện đồng bộ với Dây dẫn trên tuyến.

* Đường dây hạ thế:

- Dây dẫn: Lắp mới sử dụng cáp vặn xoắn loại ABC-4x95-0,6/1 kV.

- Cột BTLT dự ứng lực PC.I-10-190-3.5, PC.I-10-190-5.0, PC.I-16-190-13

- Móng cột bê tông ly tâm MG-1H, MGDH-1, MGD-4

- Tiếp địa trạm biến áp: 01 hệ thống. Sử dụng hệ thống tiếp địa kiểu khoan giếng LG-4, gồm ống thép fi 42 dày 2.5mm, dây tiếp địa fi 12, toàn bộ hệ thống tiếp địa được mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ $\geq 80\mu\text{m}$.

- Vật tư phụ kiện đồng bộ với Dây dẫn trên tuyến

c.2. Chiếu sáng:

- Hướng tuyến: Theo tuyến đường giao thông.

- Cột: Đi chung cột với hệ thống điện sinh hoạt.

- Dây dẫn: Sử dụng cáp vặn xoắn LV-ABC-4x25mm².

- Tủ điện ĐKCS: sử dụng loại tủ điều khiển 02 chế độ

- Đèn led: Sử dụng đèn led 120W ánh sáng

IV. Các bản vẽ: E-HSMT đính kèm hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG

Số: 2927/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Triệu Phong, ngày 24 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán
Công trình: Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh
Quảng Trị - Giai đoạn 1; Hạng mục: Khu tái định cư xã Triệu Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4282/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng: Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - Giai đoạn 1;

Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc bổ sung dự án vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Triệu Phong;

Căn cứ Văn bản số 1291/UBND-KT ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc thành lập Hội đồng giải phóng mặt bằng triển khai dự án Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây và dự án cảng hàng không Quảng Trị.

Căn cứ Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 20/3/2024 của UBND huyện Triệu Phong về việc kiện toàn Hội đồng giải phóng mặt bằng dự án: Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - Giai đoạn 1;

Căn cứ Thông báo số 88/TB-GPMB ngày 25/4/2023 của UBND huyện Triệu Phong về việc giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý điều hành công trình;

Căn cứ Quyết định số 3406/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 của UBND huyện Triệu Phong về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, lập thiết kế và dự toán công trình: Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - Giai đoạn 1; Hạng mục: Khu tái định cư xã Triệu Phước; Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 05/6/2025 của UBND huyện Triệu Phong về việc điều chỉnh nhiệm vụ khảo sát, lập thiết kế và dự toán công trình: Đường ven biển kết

nổi hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - Giai đoạn 1; Hạng mục: Khu tái định cư xã Triệu Phước.

Căn cứ Văn bản số 2292/UBND-CT ngày 13/6/2024 của UBND huyện Triệu Phong về việc lấy ý kiến thẩm định dự án tái định cư dự án: Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - Giai đoạn 01, hạng mục: Khu tái định cư xã Triệu Phước, Triệu Đại, Triệu Phước, Triệu Độ, Triệu Thuận;

Căn cứ Văn bản số 2727/STNMT-CCBVMT ngày 02/7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị v/v hướng dẫn thủ tục môi trường dự án tái định cư dự án: Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - Giai đoạn 1, hạng mục: Khu tái định cư xã Triệu Phước, Triệu Đại, Triệu Phước, Triệu Độ, Triệu Thuận;

Căn cứ Văn bản số 2807/UBND-TN ngày 08/7/2024 của UBND huyện Triệu Phong v/v hồ sơ môi trường dự án Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - Giai đoạn 1, hạng mục: Khu tái định cư xã Triệu Phước, Triệu Đại, Triệu Đại, Triệu Phước, Triệu Độ, Triệu Thuận;

Căn cứ Văn bản số 2909/CV-UBND ngày 16/7/2024 của UBND huyện Triệu Phong về việc đánh giá tác động môi trường các khu tái định cư thuộc dự án Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Văn bản số 1703/BQLDA-GPMB ngày 19/7/2024 của Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh về việc đánh giá tác động môi trường các khu tái định cư thuộc dự án Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Văn bản số 2971/UBND-TN ngày 23/7/2024 của UBND huyện Triệu Phong v/v đánh giá tác động môi trường các khu tái định cư thuộc dự án Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Văn bản thẩm định số 85/TĐ-PKTHĐT ngày 20/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán với những nội dung sau:

- 1. Tên dự án:** Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - Giai đoạn 1; Hạng mục: Khu tái định cư xã Triệu Phước.
- 2. Địa điểm xây dựng:** Xã Triệu Phước, huyện Triệu Phong.
- 3. Người quyết định đầu tư:** Ủy ban nhân dân huyện Triệu Phong
- 4. Chủ đầu tư:** Ban QLDA, PTQĐ và CNN huyện Triệu Phong
- 5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán:** Liên danh Công ty cổ phần xây dựng Hà Trí Việt - NTH.
- 6. Loại và cấp công trình:** Công trình giao thông cấp IV (Theo Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng).

7. Mục tiêu dự án: Xây dựng khu tái định cư để bồi thường GPMB thi công công trình: Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị. Đồng thời cải thiện điều kiện đi lại, phục vụ đi lại, hoạt động sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, góp phần hoàn thiện mạng lưới giao thông đã quy hoạch tại xã Triệu Phước.

8. Quy mô công trình và các giải pháp thiết kế chủ yếu:

8.1. Quy mô xây dựng:

a. Hạng mục đường giao thông:

- Tổng chiều dài các tuyến L=361,69m. Trong đó:

Stt	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)
1	Tuyến 1	Giao Km5+295 Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây	Tại Km0+94,91 nối vào đường đất hiện trạng	94,91
2	Tuyến 2	Giao Tuyến 1 tại Km0+31,41	Tại Km0+40,91 trên tuyến	40,91
3	Tuyến 3	Giao Tuyến 1 tại Km0+69,87	Tại Km0+41,98	41,98
4	Tuyến 4	Giao Km5+960 Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây	Nối vào đường đất hiện trạng	73,24
5	Tuyến 5	Giao Tuyến 4 tại Km0+38,48	Tại Km0+110,65	110,65
Tổng cộng				361,69

- Các thông số kỹ thuật chủ yếu:

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Tuyến 1	Tuyến 2	Tuyến 3	Tuyến 4	Tuyến 5
1	Cấp đường		GTNT cấp B			GTNT cấp A	
2	Chiều dài	m	94,91	40,91	41,98	73,24	110,65
3	Vận tốc thiết kế	km/h	20			30	
4	Mặt cắt ngang	m	Tuyến 1, 2, 3:		$1,0 + 3,0 + 1,0 = 5,0$		
			Tuyến 4:		$0,75 + 5,0 + 0,75 = 6,5$		
			Tuyến 5:		$1,75 + 5,0 + 0,75 = 7,5$		
5	KC mặt đường		Áo đường cứng bằng BTXM				
6	Tải trọng thiết kế - Nền, mặt đường - Công trình	Trục Đoàn	100kN H30-XB80				

b. Hạng mục san nền, phân lô:

- Phạm vi san nền, cắm mốc phân lô: 4.930,68 m².
- Kết cấu nền: đắp đất cấp III, đầm chặt $K \geq 85$.
- Cắm mốc khu phân lô, số lượng: 73 mốc, 17 lô.

c. Hạng mục cấp điện và điện chiếu sáng:

- Cấp điện sinh hoạt:
 - + Khu 1 (Nhu Lý): Xây dựng đường dây 0,4kV dài 237,21m.
 - + Khu 2 (Phước Lễ): Xây dựng đường dây trung thế 22kV dài 427 mét, đường dây 0,4kV dài 658,2 mét, 01 trạm biến áp 100kVA-22/0.4kV.
- Điện chiếu sáng:
 - + Khu 1 (Nhu Lý): dài 97,38m, bố trí đèn chiếu sáng trên cột BTLT của đường dây 0,4kV.
 - + Khu 2 (Phước Lễ): dài 90m, bố trí đèn chiếu sáng trên cột BTLT của đường dây 0,4kV.

8.2. Giải pháp xây dựng chủ yếu:

a. Hạng mục đường giao thông:

- Bình đồ tuyến: Chủ yếu theo đường cũ hiện trạng đã có, các tuyến mới theo quy hoạch phân lô, đảm bảo yếu tố hình học theo tiêu chuẩn kỹ thuật của cấp đường và hạn chế giải phóng mặt bằng.
- Trắc dọc tuyến: Trắc dọc thiết kế trên cơ sở không chế cao độ điểm đầu, điểm cuối, cao độ hiện trạng các điểm đầu nối, công trình thoát nước ngang và tiêu chuẩn kỹ thuật của cấp đường.
- Nền đường: Đắp đất cấp 3, đầm chặt $K \geq 0,95$; Taluy nền đào 1/1, nền đắp 1/1,5.
 - Mặt đường: Độ dốc ngang 2%. Kết cấu như sau:
 - + Mặt đường bằng BTXM M250 dày 22cm
 - + Lớp bạt nilon.
 - + Lớp móng CPĐD $D_{max} = 37,5$ dày 15cm
 - Lề đường: Gia cố lề đường với kết cấu giống kết cấu mặt đường tuyến chính.
 - Hệ thống thoát nước ngang: Nối 01 cống tròn đường kính 0,3m qua mương thủy lợi tại Km0+13,90 (Tuyến 1) để đảm bảo tưới, tiêu trong sản xuất nông nghiệp. Cấu tạo: Ống cống được thiết kế bằng BTCT lắp ghép M200, đá 1x2. Tường đầu, móng cống bằng bê tông M150, đá 2x4 đổ tại chỗ, trên lớp đệm sỏi sạn dày 10cm.
 - Hệ thống thoát nước dọc: Xây dựng rãnh thoát nước dạng chữ nhật $B=0,4$ đổ tại chỗ, móng và thân rãnh bằng BTCT M200 dày 15cm; đệm móng sỏi sạn dày 10cm; trung bình 10m bố trí khe rộng 01cm bằng giấy dầu tẩm nhựa đường;

Xà mũ rãnh bằng BTCT M200 kích thước (15x15)cm; Tấm đan rãnh bằng BTCT M250 kích thước (100x75x12)cm, phần kê trên xà mũ dày 10cm; Hai đầu tấm đan bố trí khe thu nước kích thước (1,5x30)cm, trung bình 5m bố trí 01 tấm đan có lỗ vào vị trí giữa 2 nhà dân để tăng khả năng thu nước mặt đường.

- Gia cố mái taluy: dài 395,79m (Khu 1: 54,12m; Khu 2: 341,67m), bằng kết cấu tấm lát bê tông.

Cấu tạo: Tấm lát dạng lắp ghép, kích thước tấm (50x50x6)cm bằng BTCT M200; Giằng dọc trên, dưới và giằng mái bằng BTCT M200; Chân khay bằng bê tông xi măng M150.

- Tường chắn: dài 52m, Kết cấu BTXM M150, chiều cao tường từ 0,6÷1,0m, ống nhựa thoát nước bố trí khoảng cách @2m.

- Hoàn trả mương thủy lợi: Xây dựng hoàn trả mương BTCT đập đan, khẩu độ B=0,8m. Cấu tạo:

Mương dạng chữ nhật B=0,8m đổ tại chỗ, móng và thân bằng BTCT M200 dày 15cm; đệm móng dăm sạn dày 10cm; trung bình 10m bố trí khe rộng 01cm bằng giấy dầu tấm nhựa đường; Xà mũ mương bằng BTCT M200 kích thước (15x15)cm; Tấm đan bằng BTCT M250 kích thước (100x110x14)cm.

- Nút giao thông: Thiết kế nút giao đồng mức; bán kính vượt nổi $R \geq 8-10m$, kết cấu mặt đường vượt nổi giống kết cấu mặt đường tuyến chính.

- An toàn giao thông: theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ (QCVN 41: 2024/BGTVT).

+ Vạch sơn kẻ đường, gờ giảm tốc: bằng sơn dẻo nhiệt phản quang DPI (30% hạt phản quang) theo tiêu chuẩn sơn tín hiệu giao thông TCVN 8786:2018.

+ Biển báo: Trụ đỡ biển báo bằng ống thép tráng kẽm Vinapipe (hoặc tương đương) đường kính ngoài $\varnothing 80mm$, dày 2,5mm, đỉnh ống được bịt kín chống nước; Sơn cột 3 lớp gồm 1 lớp sơn lót tạo dính loại CXL-WP và 2 lớp sơn phủ màu đỏ và trắng xen kẽ bằng sơn Epoxy S.EP-P1; Đế cột bằng bê tông đổ tại chỗ M150, đá 2x4; Biển báo cố định trên tuyến bằng hợp kim nhôm dày 2mm, mặt trước dán màng phản quang loại 3M, mặt sau sơn 2 lớp màu xám.

+ Cọc tiêu: bằng BTCT M200 kích thước (12x12x110)cm, thân cọc sơn trắng, 10cm trên cùng đầu cọc sơn đỏ. Cọc tiêu được bố trí các đoạn cong bán kính nhỏ và các vị trí nền đường đắp cao.

b. Hạng mục san nền, phân lô:

- Phạm vi san nền, cắm mốc phân lô: 4.930,68 m².

- Kết cấu nền: đắp đất cấp III, đầm chặt $K \geq 85$.

- Cắm mốc khu phân lô, số lượng: 73 mốc.

c. Hạng mục cấp điện và điện chiếu sáng:

c.1. Cấp điện:

* Trạm biến áp:

- Máy biến áp 3 pha 22kV - 0,4kV - 100KVA: 01 máy.
- Tủ điện 3 pha 100kVA trọn bộ: 01 tủ.
- Tiếp địa trạm biến áp: 01 hệ thống. Sử dụng hệ thống tiếp địa kiểu khoan giếng, gồm 18 ống thép fi 42 dày 2.5mm, dây tiếp địa fi 12, toàn bộ hệ thống tiếp địa được mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ theo quy định hiện hành.
- Phụ kiện: Sử dụng các loại phụ kiện phù hợp (gồm: Kẹp răng, cáp đồng, dây nối, đầu cốt, bulong, đai thép, ống gân xoắn, ống thép, nắp chụp, ...) để lắp đặt hoàn thiện trạm biến áp mới.

* Đường dây trung thế:

- Dây dẫn: Sử dụng cáp nhôm bọc lõi thép PVC/XLPE 12.7/24kV AC 95/16 mm².
- Cột BTLT dự ứng lực PC.I-14-190-8.5, PC.I-14-190-11, PC.I-16-190-13
- Móng cột BTLT MG-3, MGD-3, MGD-4
- Tiếp địa trạm biến áp: 01 hệ thống. Sử dụng hệ thống tiếp địa kiểu khoan giếng LG-6; LG-8, gồm ống thép fi 42 dày 2.5mm, dây tiếp địa fi 12, toàn bộ hệ thống tiếp địa được mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ theo quy định hiện hành.
- Xà, giá đỡ: Sử dụng thép hình, mạ kẽm nhúng nóng với chiều dày lớp mạ $\geq 80\mu\text{m}$.
- Vật tư phụ kiện đồng bộ với Dây dẫn trên tuyến.

* Đường dây hạ thế:

- Dây dẫn: Lắp mới sử dụng cáp vặn xoắn loại ABC-4x95-0,6/1 kV.
- Cột BTLT dự ứng lực PC.I-10-190-3.5, PC.I-10-190-5.0, PC.I-16-190-13
- Móng cột bê tông ly tâm MG-1H, MGDH-1, MGD-4
- Tiếp địa trạm biến áp: 01 hệ thống. Sử dụng hệ thống tiếp địa kiểu khoan giếng LG-4, gồm ống thép fi 42 dày 2.5mm, dây tiếp địa fi 12, toàn bộ hệ thống tiếp địa được mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ $\geq 80\mu\text{m}$.
- Vật tư phụ kiện đồng bộ với Dây dẫn trên tuyến

c.2. Chiếu sáng:

- Hướng tuyến: Theo tuyến đường giao thông.
- Cột: Đi chung cột với hệ thống điện sinh hoạt.
- Dây dẫn: Sử dụng cáp vặn xoắn LV-ABC-4x25mm².
- Tủ điện ĐKCS: sử dụng loại tủ điều khiển 02 chế độ
- Đèn led: Sử dụng đèn led 120W ánh sáng trắng.

9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:

- *Khảo sát:*

- + Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát: TCCS 31 : 2020/TCĐBVN;
- + Tiêu chuẩn TCVN 9398:2012: Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung;
- + Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình - 96TCN 43-90;
- + Khoan thăm dò địa chất công trình - TCVN 9437:2012.

- *Thiết kế:*

- + Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế: TCVN 10380:2014;
- + Thiết kế mặt đường BTXM thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông TCCS 39:2022/TCĐBVN;
- + Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ - TCVN 9845: 2013;
- + Thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế - TCVN 7957: 2023;
- + Qui phạm thiết kế cầu cống theo trạng thái giới hạn - 22 TCN 18-79;
- + Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình cấp điện: QCVN 07-5:2016/BXD;
- + Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình chiếu sáng: QCVN 07-7:2016/BXD;
- + Quy phạm trang bị điện - Quy định chung: 11TCN 18-2006.
- + Hệ thống đường dây dẫn điện: 11TCN 19-2006.
- + Thiết bị phân phối và trạm biến áp: 11TCVN 20-2006.
- + Quy phạm nối đất và nối không các thiết bị điện TCVN 4756 - 1989.
- + Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo đường, đường phố, quảng trường đô thị TCXDVN 259:2001.
- + Các quy trình, quy phạm hiện hành khác có liên quan.

10. Giá trị dự toán xây dựng: 10.987.000.000 đồng

(Bằng chữ: Mười tỷ chín trăm tám mươi bảy triệu đồng)

Trong đó:

Chi phí bồi thường GPMB	1.700.000.000	đồng
Chi phí xây dựng	6.683.005.000	đồng
Chi phí thiết bị	154.899.000	đồng
Chi phí QLDA	213.848.000	đồng
Chi phí tư vấn ĐTXD	455.167.000	đồng
Chi phí khác	670.459.000	đồng
Chi phí dự phòng	1.109.622.000	đồng

11. Nguồn vốn đầu tư: Chi phí bồi thường hỗ trợ GPMB tại Quyết định số 4282/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị.

12. Phương án giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư: Theo quy định.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND – UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Trưởng phòng giao dịch số 14 - KBNN Khu vực số XI, Giám đốc Ban QLDA, PTQĐ và CCN huyện, Chủ tịch UBND xã Triệu Phước và Thủ trưởng các cơ quan ban ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2/QĐ;
- TT HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Lưu: VT. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Văn Linh